

Hoa Lư, ngày 5 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026
VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung

Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học IQ

Địa chỉ: Khu đô thị Ninh Khánh, phường Hoa Lư

Điện thoại: 0833123355

Email: tieuhociq2020@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <http://iqschool.vn/contact/>

2. Đội ngũ giáo viên

- Tổng số 25 giáo viên, cụ thể như sau:

Loại hình giáo viên	Số lượng	Trình độ			Thành tích và kinh nghiệm	Tiêu chuẩn NN	Nội dung hoàn thành BDCM hàng năm
		Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng			
Giáo viên văn hóa	15	2	13		- 90% GV đạt GVG các cấp. 15/15 GVHĐ	8/15 đạt Tốt= 53,4% 7/15 đạt Khá= 46,6%	15/15 hoàn thành = 100%
Giáo viên Thể chất	2		2		2/2 GVHĐ	2/2 đạt Khá = 100%	2/2 hoàn thành = 100%
Giáo viên Âm nhạc-TPT	1		1		1/1 GVHĐ	1/1 đạt Khá=100%	1/1 hoàn thành = 100%
Giáo viên Mỹ thuật	1		1		GVG cấp trường 1/1 GVHĐ	1/1 đạt Khá=100%	1/1 hoàn thành = 100%
Giáo viên Ngoại ngữ	5		5		2/5 GV đạt GVG cấp trường 1 GVC cấp TP 5/5 GVHĐ	3/5 đạt Tốt= 60% 2/5 đạt Khá=40%	5/5 hoàn thành = 100%
Giáo viên Tin học	1			1	GVG cấp trường 1/1 GVHĐ	1/1 đạt Khá=100%	1/1 hoàn thành = 100%

3. Cán bộ quản lý: 01 đồng chí

- Trình độ chuyên môn: 1/1 Đại học = 100%

- Trình độ Lý luận chính trị: 1/1 Sơ cấp = 100%

Chức vụ	Họ và tên	Số ĐT	Email	Xếp loại chuẩn HT	Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định
Hiệu trưởng	Lê T. Bích Ngọc	0945323459	Lengoc.bichngoc@gmail.com	Tốt	Đạt

4. Nhân viên hỗ trợ: 04 nhân viên

Chức danh	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Tiêu chuẩn nghề nghiệp đạt được	Nội dung hoàn thành bồi dưỡng chuyên môn hàng năm	Kinh nghiệm làm việc
Nhân viên kế toán	01	Cao đẳng	Tốt	Nghị quyết vụ KT	HĐ
Nhân viên Văn phòng	01	Cao đẳng	Khá		HĐ
Nhân viên y tế	01	Trung cấp điều dưỡng	Khá		HĐ
Nhân viên TB-TV	01	ĐHTA			HĐ- Kiêm nhiệm

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Ngọc

Hoa Lư, ngày 5 tháng 9 năm 2025

**BÁO CÁO ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026
VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG TIỂU HỌC IQ**

1. Thông tin chung

Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học IQ

Địa chỉ : Khu đô thị Ninh Khánh, phường Hoa Lư

Điện thoại: 0833123355

Email: tieuhociq2020@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <http://iqschool.vn/contact/>

2. Tổng quan về diện tích và bình quân

Danh mục	Tổng diện tích	Số lượng học sinh	Bình quân diện tích/học sinh	So với yêu cầu tối thiểu
Diện tích toàn trường	5.000 m ²	156	15,8 m ²	Đạt
Phòng học	585 m ²		3,46 m ²	Đạt
Phòng chức năng	270 m ²			Đạt
- Phòng Tin học	45 m ²			Đạt
- Phòng Âm nhạc	45 m ²			Đạt
- Phòng Mỹ Thuật	45 m ²			Đạt
- Phòng Thư viện	45 m ²			Đạt
- Phòng Thiết bị	45 m ²			Đạt
- Phòng truyền thống &HĐ Đội	45 m ²			Đạt
Phòng hành chính				
- Phòng hiệu trưởng	45 m ²			Đạt
- Phòng họp	45 m ²			Đạt
- Phòng Y tế	40 m ²			Đạt
- Phòng Bảo vệ	20m ²			Đạt
Khu vực vệ sinh				
- Nhà vệ sinh HS nam	40 m ²			Đạt
- Nhà vệ sinh HS nữ	40 m ²			Đạt

Danh mục	Tổng diện tích	Số lượng học sinh	Bình quân diện tích/học sinh	So với yêu cầu tối thiểu
- Nhà vệ sinh GV nam	20 m ²			Đạt
- Nhà vệ sinh GV nữ	20m ²			Đạt
Khu vực sân chơi				
- Sân chơi	1 000 m ²			Đạt
- Sân tập				
Trang thiết bị				
- Máy tính	31chiếc (01 máy xách tay, 30 máy cây)			Đủ
- Tivi/Projector	14 chiếc			Đủ
- Thiết bị thể dục thể thao				Đủ
- Thiết bị dạy học				Chưa đủ
- Sách giáo khoa				Đủ

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Ngọc

Hoa Lư, ngày 5 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026
VỀ KẾT QUẢ DUY TRÌ SĨ SỐ VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin chung

Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học IQ
Địa chỉ : Khu đô thị Ninh Khánh, phường Hoa Lư
Điện thoại: 0833123355
Email: tieuhociq2020@gmail.com
Cổng thông tin điện tử: <http://iqschool.vn/contact/>

2. Kết quả duy trì sĩ số năm học 2024-2025

a) Về huy động số lượng:

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Diễn biến học sinh	
	TSHS	Lớp	TSHS	Lớp	Tăng	Giảm
1	25	2	25	2		
2	45	3	43	3		1
3	31	3	30	3		1
4	25	2	25	2		
5	34	2	33	2		1
Cộng	160	12	156	12		3

Huy động 100% số học sinh trong độ tuổi phải phổ cập.
Trong năm học không có học sinh bỏ học

3. Kết quả thực hiện chất lượng giáo dục học năm học 2024- 2025

Nội dung	TS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)
I. Tổng số học sinh	156	25	100	43	100	30	100	25	100	33	100
II. Số HS học 2 buổi/ngày	156	25	100	43	100	30	100	25	100	33	100
III. Kết quả học tập											
1. Tiếng Việt	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành tốt	153	25		42		29		25		32	
Hoàn thành	3	0		1		1				1	
Chưa hoàn thành											
2. Toán	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành tốt	153	25		42		29		25		32	
Hoàn thành	3	0		1		1				1	
Chưa hoàn thành											
3. Đạo đức	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành tốt	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
4. Tự nhiên và Xã hội	98	25		43		30					
Hoàn thành tốt	98	25		43		30					
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
5. Khoa học	58							25		33	
Hoàn thành tốt	58							25		33	
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
6. LS&ĐL	58							25		33	
Hoàn thành tốt	58							25		33	
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành tốt	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành tốt	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
9. Hoạt động	156	25		43		30		25		33	

Nội dung	TS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)
trải nghiệm											
Hoàn thành tốt	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
10. Giáo dục thể chất	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành tốt	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
11. TH-CN (Công nghệ)	88					30		25		33	
Hoàn thành tốt	86					29		25		32	
Hoàn thành	2					1				1	
Chưa hoàn thành											
12. TH-CN (Tin học)	88					30		25		33	
Hoàn thành tốt	88					30		25		33	
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
13. Ngoại ngữ	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành tốt	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
14. Tiếng dân tộc											
Hoàn thành tốt											
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
II. Năng lực cốt lõi											
Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	156	25		43		30		25		33	
Tốt	155	25		43		29		25		33	
Đạt	1					1					
Cần cố gắng											
Giao tiếp và hợp tác	156	25		43		30		25		33	
Tốt	155	25		43		30		25		32	
Đạt	1									1	
Cần cố gắng											
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	156	25		43		30		25		33	
Tốt	155	25		41		29		25		32	
Đạt	1			2		1					

Nội dung	TS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)
Cần cố gắng											
Năng lực đặc thù											
Ngôn ngữ	156	25		43		30		25		33	
Tốt	152	25		43		29		25		30	
Đạt	4					1				3	
Cần cố gắng											
Tính toán	156	25		43		30		25		33	
Tốt	155	25		43		30		25		32	
Đạt	1									1	
Cần cố gắng											
Tin học	88					30		25		33	
Tốt	86					30		25		31	
Đạt	2									2	
Cần cố gắng											
Công nghệ	88					30		25		33	
Tốt	86					30		25		33	
Đạt											
Cần cố gắng											
Khoa học	156	25		43		30		25		33	
Tốt	156	25		43		30		25		33	
Đạt											
Cần cố gắng											
Thẩm mĩ	156	25		43		30		25		33	
Tốt	156	25		43		30		25		33	
Đạt											
Cần cố gắng											
Thể chất	156	25		43		30		25		33	
Tốt	156	25		43		30		25		33	
Đạt											
Cần cố gắng											
III. Phẩm chất chủ yếu											
Yêu nước	156	25		43		30		25		33	
Tốt	156	25		43		30		25		33	
Đạt											
Cần cố gắng											
Nhân ái	156	25		43		30		25		33	
Tốt	156	25		43		30		25		33	
Đạt											
Cần cố gắng											
Chăm chỉ	156	25		43		30		25		33	

Nội dung	TS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)	TSHS có KQĐG	Tỷ lệ so với TS (%)
Tốt	156	25		43		30		25		33	
Đạt											
Cần cố gắng											
Trung thực	156	25		43		30		25		33	
Tốt	156	25		43		30		25		33	
Đạt											
Cần cố gắng											
Trách nhiệm	156	25		43		30		25		33	
Tốt	156	25		43		30		25		33	
Đạt											
Cần cố gắng											
IV. Đánh giá KQGD	156	25		43		30		25		33	
- Hoàn thành xuất sắc	100	17		32		19		15		17	
- Hoàn thành tốt	49	8		8		10		10		13	
- Hoàn thành	7			3		1				3	
- Chưa hoàn thành											
V. Khen thưởng	148	25		39		29		25		30	
- Giấy khen cấp trường	148	25		39		29		25		30	
- Giấy khen cấp trên											
VI. HSDT được trợ giảng											
VII. HS.K.Tật											
VIII. HS bỏ học kỳ II											
+ Hoàn cảnh GDKK											
+ KK trong học tập											
+ Xa trường, đi lại K.khẩn											
+ Thiên tai, dịch bệnh											
+ Nguyên nhân khác											
IX. Chương trình lớp học	156	25		43		30		25		33	
Hoàn thành	156	25		43		30		25		33	
Chưa hoàn thành											

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Bích Ngọc